

Số: 207 /MTB-TCKT
V/v: Công bố thông tin BCTC
bán niên năm 2024 đã soát xét

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí
 - Mã chứng khoán: PVM
 - Địa chỉ: Số 8 Tràng Thi, P.Hàng Trống, Q.Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội
 - Điện thoại: 024.38260344 Fax: 024.38254050
 - Email: pvm@pvmachino.vn
- Nội dung thông tin công bố:
Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 đã soát xét và văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/08/2024 tại đường dẫn: <http://www.pvmachino.vn>
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 đã soát xét.
- Văn bản giải trình thay đổi lợi nhuận sau thuế.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Hiệp

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 208 /MTB-TCKT
V/v: Công bố thông tin BCTC
bán niên năm 2024 đã soát xét

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT – BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (MCK: PVM) thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024 đã soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- BCTC bán niên năm 2024 đã soát xét theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:
 - BCTC riêng (Tổ chức không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (Tổ chức có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (Tổ chức có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin đồng thời cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT – BTC gồm:
 - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?
 - Có Không
 - Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:
 - Có Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?
 - Có Không
 - Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:
 - Có Không

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 đã soát xét.
- Văn bản giải trình thay đổi lợi nhuận sau thuế.



Phạm Văn Hiệp

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 209 /MTB-TCKT
V/v: Giải trình thay đổi lợi nhuận
sau thuế Thu nhập doanh nghiệp

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ điểm c khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2024 đã soát xét.

Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí xin được giải trình nguyên nhân thay đổi chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2023 như sau:

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 tại Báo cáo tài chính Hợp nhất giảm 126.225.192.523 đồng, giảm tương ứng 76,92% so với cùng kỳ năm 2023; Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 tại Báo cáo tài chính riêng giảm 125.583.082.288 đồng, giảm tương ứng 78,61% so với cùng kỳ năm 2023.

Nguyên nhân chủ yếu do:

- Mặc dù 6 tháng đầu năm 2024 công ty mẹ ghi nhận các khoản thu:

+ Khoản thu nhập từ cổ tức được chia, số tiền 49.150.000.000 đồng;

+ Khoản thu nhập khác 17.600.000.000 đồng do thu phạt hợp đồng từ đặt cọc của Công ty

TNHH Thương mại Hưng Việt TP Inmex.

- Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2024 vẫn thấp hơn so với 6 tháng đầu năm 2023, do 6 tháng đầu năm 2023, công ty mẹ ghi nhận doanh thu tài chính từ chuyển nhượng vốn góp đầu tư vào công ty TNHH FCC Việt Nam và Công ty TNHH Nippon Seiki, lãi từ việc chuyển nhượng là 295.457.634.985 đồng, hoàn nhập chi phí dự phòng đầu tư tài chính từ việc thoái vốn tại công ty CP Thực phẩm Nghệ An, số tiền 2.016.00.000 đồng; Đồng thời phân bổ chi phí lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hoá, ghi nhận chi phí tài trợ quy hoạch, chi phí trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi, xử lý tồn thất hàng tồn kho dẫn đến các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 tăng nhiều lần so với các năm khác (Đã được giải trình tại công văn giải trình 281/MTB-TCKT ngày 28 tháng 08 năm 2023).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã giải trình.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Hiệp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05-48
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10-48



CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08-Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 05 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Văn Thân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23/04/2024
Ông Vũ Đức Tiến	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23/04/2024
Ông Phạm Văn Hiệp	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên	
Ông Vương Hoàng Thăng	Ủy viên	
Bà Tống Thị Diệp	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Hương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Kiều Vân	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hải An	Thành viên
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 26 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		877.117.721.131	812.152.816.971
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15.918.879.217	23.645.640.021
111	1. Tiền		15.918.879.217	23.645.640.021
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	111.189.932.381	79.575.674.979
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		111.189.932.381	79.575.674.979
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		690.109.540.666	535.368.142.822
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	408.301.233.058	372.913.789.433
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	113.949.701.129	84.518.462.853
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	94.790.471.000	84.765.471.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	257.071.186.472	176.223.663.556
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(184.003.050.993)	(183.053.244.020)
140	IV. Hàng tồn kho	10	57.105.165.565	158.526.652.411
141	1. Hàng tồn kho		57.404.917.565	159.064.781.411
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(299.752.000)	(538.129.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.794.203.302	15.036.706.738
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	531.391.631	445.805.535
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.344.945.019	13.981.196.516
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	917.866.652	609.704.687
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		311.331.039.394	293.742.177.334
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		59.095.905.478	57.683.834.245
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	20.040.000.000	19.640.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	39.055.905.478	38.043.834.245
220	II. Tài sản cố định		64.868.061.392	64.349.820.739
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	52.480.574.554	51.919.741.445
222	- Nguyên giá		87.458.690.095	84.576.535.212
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.978.115.541)	(32.656.793.767)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	12.387.486.838	12.430.079.294
228	- Nguyên giá		14.950.865.814	14.799.665.814
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.563.378.976)	(2.369.586.520)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	-	-
231	- Nguyên giá		15.292.742.940	15.292.742.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.292.742.940)	(15.292.742.940)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	19.458.201.256	16.721.828.351
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		17.888.743.331	16.721.828.351
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.569.457.925	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	157.364.666.927	142.349.542.127
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		103.530.000.000	103.530.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		59.150.365.573	44.135.240.773
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(5.315.698.646)	(5.315.698.646)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.544.204.341	12.637.151.872
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	10.544.204.341	12.637.151.872
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.188.448.760.525	1.105.894.994.305

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		486.642.732.595	436.905.381.193
310	I. Nợ ngắn hạn		432.852.070.187	381.864.718.785
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	45.794.780.322	108.095.191.546
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	6.121.900.669	6.526.346.722
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	5.324.601.616	3.909.555.842
314	4. Phải trả người lao động		14.168.904.877	7.047.776.199
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	5.221.370.039	1.805.448.152
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.318.049.100	811.340.019
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	41.223.572.617	80.639.242.969
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	306.371.605.447	168.059.881.836
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.307.285.500	4.969.935.500
330	II. Nợ dài hạn		53.790.662.408	55.040.662.408
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	37.261.547.264	47.261.547.264
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	16.529.115.144	7.779.115.144
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		701.806.027.930	668.989.613.112
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	701.806.027.930	668.989.613.112
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.920.978.074	18.920.978.074
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		160.018.432.354	128.760.261.573
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		123.986.461.097	(12.676.114.016)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		36.031.971.257	141.436.375.589
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		136.480.617.502	134.922.373.465
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.188.448.760.525	1.105.894.994.305

(Handwritten signatures in blue ink)



Lê Thị Thu Hiền
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**
GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	860.570.630.313	698.186.380.200
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		860.570.630.313	698.186.380.200
11	4. Giá vốn hàng bán	25	824.170.874.217	674.473.876.844
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.399.756.096	23.712.503.356
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	54.257.280.718	298.952.612.937
22	7. Chi phí tài chính	27	7.816.125.100	22.683.755.748
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.782.197.518	6.195.463.222
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	28	29.490.541.892	24.013.279.706
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	28.487.153.423	72.811.426.168
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.863.216.399	203.156.654.671
31	12. Thu nhập khác	30	23.287.291.404	11.637.408.103
32	13. Chi phí khác	31	9.136.697.371	42.522.846.134
40	14. Lợi nhuận khác		14.150.594.033	(30.885.438.031)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		39.013.810.432	172.271.216.640
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	1.147.395.614	8.179.609.299
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		37.866.414.818	164.091.607.341
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		36.031.971.257	162.049.037.035
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1.834.443.561	2.042.570.306
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	933	4.194



Lê Thị Thu Hiền

Người lập

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Hoàng Minh Đức

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiệp

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		39.013.810.432	172.271.216.640
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.515.114.230	2.263.444.804
03	- Các khoản dự phòng		711.429.973	16.925.273.433
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(934.528.472)	9.771.489
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(52.848.043.428)	(280.464.132.182)
06	- Chi phí lãi vay		7.782.197.518	6.195.463.222
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(3.760.019.747)	(82.798.962.594)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(79.320.407.483)	(91.574.472.012)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		100.492.948.866	23.093.147.448
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(95.518.995.905)	15.771.490.478
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.007.361.435	27.972.261.979
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.146.826.152)	(63.641.075.957)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.987.677.460)	(623.374.166)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.712.650.000)	(2.070.486.200)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(91.946.266.446)	(173.871.471.024)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.602.812.808)	(9.688.649.111)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(46.039.257.402)	(123.020.674.979)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.000.000.000	57.600.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(15.015.124.800)	(103.530.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	422.004.082.785
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		(1.125.074.058)	2.147.295.522
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(62.782.269.068)	245.512.054.217
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	5.950.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		715.743.123.272	409.001.765.359
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(568.681.399.661)	(485.374.495.494)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(61.663.315)	(103.415.481)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		147.000.060.296	(70.526.145.616)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(7.728.475.218)	1.114.437.577
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		23.645.640.021	49.559.553.529
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.714.414	(835.809)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>15.918.879.217</u>	<u>50.673.155.297</u>

Lê Thị Thu Hiền
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 05 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 386.386.000.000 VND; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 292 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 284 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn ⁽¹⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng ⁽²⁾	Thành phố Đà Nẵng	49,78%	(2)	Thương mại và cho thuê máy móc, thiết bị
Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
Công ty Cổ phần Machino An Phú	Tỉnh Thái Bình	55,00%	55,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH Machino Phú Xuân	Tỉnh Thái Bình	70,00%	70,00%	Kinh doanh bất động sản

(1) Ngày 31/03/2022, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí đã ban hành Quyết định số 0034/QĐ/MTB-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn. Đến thời điểm 30/06/2024, Công ty con này đang thực hiện các thủ tục giải thể.

(2) Tuy công ty chỉ nắm giữ 49,78% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát là đại diện của Công ty nên Công ty có toàn quyền chi phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 05 - 30 năm |

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí bảo hiểm nhân thọ mua cho cán bộ nhân viên được Công ty phân bổ theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm đã ký kết với Công ty bảo hiểm theo từng cấp độ nhân viên.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thuê nhà, chi phí lãi tiền vay phải trả, ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.21 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.22 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2.23 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thành lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.27 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tráng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**2.29 . Thông tin bộ phận**

Do hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là hoạt động thương mại và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	721.396.130	668.150.187
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.197.483.087	22.977.489.834
	<u><u>15.918.879.217</u></u>	<u><u>23.645.640.021</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>30/06/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	111.189.932.381		79.575.674.979	-
	<u><u>111.189.932.381</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>79.575.674.979</u></u>	<u><u>-</u></u>

Tại ngày 30/06/2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 111.189.932.381 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 6,4%/năm. Trong đó, tổng giá trị tiền gửi có kỳ hạn được sử dụng để bảo lãnh cho các khoản vay Ngân hàng là 92.589.932.381 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết**

	30/06/2024			01/01/2024	
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết				VND	VND
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Hà Nội	34,58%	34,58%	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hasky Hưng Yên	Hưng Yên	40,00%	40,00%	80.000.000.000	80.000.000.000
- Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Nhà ở Nguyễn Xá	Thái Bình	50,00%	50,00%	23.530.000.000	23.530.000.000
				103.530.000.000	103.530.000.000

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	841.102.790	(841.102.790)	841.102.790	(841.102.790)
- Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)
- Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	(1.474.595.856)	3.621.000.000	(1.474.595.856)
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội	15.015.124.800	-	-	-
	59.150.365.573	(5.315.698.646)	44.135.240.773	(5.315.698.646)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2024:****Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Đầu tư Hasky Hưng Yên ⁽¹⁾	Hưng Yên	40,00%	40,00%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển nhà ở Nguyên Xá ⁽¹⁾	Thái Bình	50,00%	50,00%	Kinh doanh bất động sản

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,13%	12,13%	Thương mại
Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	Thành phố Hà Nội	8,00%	8,00%	Xây lắp
Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội	Thành phố Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Tỉnh Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội ⁽²⁾	Thành phố Hà Nội	3,60%	3,60%	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản

(1) Theo Nghị quyết số Hội đồng quản trị số 72/NQ/MTB-HĐQT ngày 31 tháng 07 năm 2024 quyết định phương án thu hồi vốn tại các dự án phát triển nhà ở thương mại khu dân cư thôn Thái, xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (dự án thuộc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển nhà ở Nguyên Xá) và dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quán Đò, huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên (dự án thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Hasky Hưng Yên). Thời gian thu hồi vốn đầu tư trước 31/12/2024.

(2) Ngày 18/01/2024, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0013/NQ/MTB-HĐQT về chủ trương tham gia đầu tư dự án 17,25 ha tại Đông Anh - Hà Nội do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội là chủ đầu tư. Công ty thực hiện mua lại 187.200 cổ phần; tương ứng 3,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	191.823.749	(191.823.749)	191.823.749	(191.823.749)
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	191.823.749	(191.823.749)	191.823.749	(191.823.749)
<i>Bên khác</i>	408.109.409.309	(182.749.142.244)	372.721.965.684	(181.799.335.271)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	(96.856.865.496)	96.856.865.496	(96.856.865.496)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	(33.627.654.160)	33.627.654.160	(33.627.654.160)
Công ty Cổ phần Nhôm Việt Pháp Shal	-	-	54.174.213.549	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Ngôi sao Châu Á	28.322.656.583	-	21.616.960.219	-
Công ty Cổ phần Nhôm Việt Pháp Shal	33.159.745.675	-	54.174.213.549	-
Công ty TNHH Nông sản Hồng Nguyên	76.988.544.200	-	13.599.989.270	-
Các khách hàng khác	139.153.943.195	(52.264.622.588)	98.672.069.441	(51.314.815.615)
	408.301.233.058	(182.940.965.993)	372.913.789.433	(181.991.159.020)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	50.000.000	-	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	50.000.000	-	50.000.000	-
<i>Bên khác</i>	113.899.701.129	(1.062.085.000)	84.468.462.853	(1.062.085.000)
Công ty TNHH Công nghiệp M&H	963.600.000	(963.600.000)	963.600.000	(963.600.000)
Công ty Cổ phần Licogi 13	21.307.281.896	-	21.307.281.896	-
Công ty TNHH TM và DV XNK QD Việt Nam	11.067.237.752	-	11.067.237.752	-
Công ty Cổ phần Senka International	-	-	2.705.651.571	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuấn Phát	14.933.200.230	-	10.653.957.779	-
Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông	22.784.146.552	-	9.347.486.777	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xuất nhập khẩu Ninh Bình	12.907.367.376	-	6.634.262.275	-
Arvy Phouyuan Mining Sole Co., Ltd.	-	-	12.549.870.000	-
Công ty TNHH Cargill Việt Nam	17.424.618.120	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	12.512.249.203	(98.485.000)	9.239.114.803	(98.485.000)
	113.949.701.129	(1.062.085.000)	84.518.462.853	(1.062.085.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn						
<i>Bên liên quan</i>						
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hasky Hưng Yên ⁽¹⁾	3.800.000.000	-	10.000.000.000	-	13.800.000.000	-
<i>Bên khác</i>						
- Công ty Cổ phần Nacico ⁽²⁾	3.800.000.000	-	10.000.000.000	-	13.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings ⁽³⁾	80.965.471.000	-	25.000.000	-	80.990.471.000	-
- Ông Đỗ Chí Lệ ⁽⁴⁾	11.350.000.000	-	-	-	11.350.000.000	-
	38.700.000.000	-	-	-	38.700.000.000	-
	30.915.471.000	-	25.000.000	-	30.940.471.000	-
	84.765.471.000	-	10.025.000.000	-	94.790.471.000	-
b) Dài hạn						
<i>Bên liên quan</i>						
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hasky Hưng Yên ⁽⁵⁾	19.600.000.000	-	400.000.000	-	20.000.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nhà ở Nguyễn Xá ⁽⁶⁾	40.000.000	-	-	-	40.000.000	-
	19.640.000.000	-	400.000.000	-	20.040.000.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Các hợp đồng vay tiền giữa Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Đầu tư Hasky Hưng Yên:

(1.1) Hợp đồng vay tiền số 02.0512/HĐVT/2023 ngày 05/12/2023, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 5.000.000.000 VND;
- + Mục đích sử dụng tiền cho vay: phục vụ sản xuất kinh doanh và không vi phạm quy định pháp luật;
- + Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày chuyển tiền cho vay;
- + Lãi suất cho vay: 15%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 3.800.000.000 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(1.2) Hợp đồng vay tiền số 01.2606/HĐVT/2024 ngày 26/06/2024, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 3.000.000.000 VND;
- + Mục đích sử dụng tiền cho vay: phục vụ sản xuất kinh doanh và không vi phạm quy định pháp luật;
- + Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày chuyển tiền cho vay;
- + Lãi suất cho vay: 15%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 3.000.000.000 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(1.3) Hợp đồng vay tiền số 03.2903/HĐVT/2024 ngày 29/03/2024, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 7.000.000.000 VND;
- + Mục đích sử dụng tiền cho vay: phục vụ sản xuất kinh doanh và không vi phạm quy định pháp luật;
- + Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày chuyển tiền cho vay;
- + Lãi suất cho vay: 15%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 7.000.000.000 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(2) Hợp đồng cho vay số 06112023/HĐVT/2023 ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Machino An Phú (Công ty con) và Công ty Cổ phần Nacico:

- + Số tiền cho vay: 11.350.000.000 VND;
- + Mục đích sử dụng tiền cho vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh không vi phạm quy định pháp luật;
- + Thời hạn cho vay: Quy định cụ thể theo từng khoản vay trong Biên bản xác nhận tiền vay;
- + Lãi suất cho vay: Theo lãi suất huy động của Ngân hàng BIDV thời hạn 1 tháng áp dụng cho Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển tiền vay;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 11.350.000.000 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(3) Hợp đồng cho vay số 07112023/HĐVT/2023 ngày 07 tháng 11 năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Machino An Phú (Công ty con) và Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings:

- + Số tiền cho vay: 38.700.000.000 VND;
- + Mục đích sử dụng tiền cho vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh không vi phạm quy định pháp luật;
- + Thời hạn cho vay: Quy định cụ thể theo từng khoản vay trong Biên bản xác nhận tiền vay;
- + Lãi suất cho vay: Theo lãi suất huy động của Ngân hàng BIDV thời hạn 1 tháng áp dụng cho Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển tiền vay;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 38.700.000.000 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

- (4) Hợp đồng cho vay số 0612/HĐVT/2022 ngày 06/12/2022 và Phụ lục hợp đồng 3112/PLHĐCVT/2024 ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa Ông Đỗ Chí Lệ và Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt (Công ty con):
- + Số tiền cho vay: 40.000.000.000 VND;
 - + Mục đích cho vay: thực hiện các thủ tục hoàn thành, quyết toán và chuyển đổi chủ đầu tư nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt không chôn lấp tại xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang sang Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt;
 - + Thời hạn cho vay: Đến 31/12/2024;
 - + Lãi suất cho vay: được 2 bên chốt vào các thời điểm 31/03/2024, 30/06/2024, 30/09/2024 và 31/12/2024;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 30.940.471.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (5) Hợp đồng vay tiền số 01.2908/HĐVT/2023 ngày 29/08/2023 giữa Công ty Cổ phần Máy Thiết Bị Dầu Khí (Công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Đầu tư Hasky Hưng Yên, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền cho vay: 20.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh và không vi phạm quy định pháp luật;
 - + Thời hạn cho vay: 24 tháng kể từ ngày chuyển tiền cho vay;
 - + Lãi suất cho vay: 7,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 20.000.000.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (6) Hợp đồng vay tiền số 02.0908/HĐVT/2023 ngày 09/08/2023 giữa Công ty Cổ phần Máy Thiết Bị Dầu Khí (Công ty mẹ) và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nhà ở Nguyễn Xá, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền cho vay: 68.242.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh và không vi phạm quy định pháp luật;
 - + Thời hạn cho vay: 24 tháng kể từ ngày chuyển tiền cho vay;
 - + Lãi suất cho vay: không vượt quá 20%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 40.000.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
a1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	49.150.000.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.734.023.944	-	3.922.977.691	-
Phải thu người lao động	184.057.500	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Tạm ứng ⁽¹⁾	148.031.995.560	-	131.687.447.683	-
Ký cược, ký quỹ	635.567.682	-	13.349.767	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Đông Đô ⁽²⁾	23.850.000.000	-	16.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla ⁽³⁾	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Đạt	10.110.356.848	-	8.085.695.197	-
Phải thu khác	2.375.184.938	-	1.514.193.218	-
	257.071.186.472	-	176.223.663.556	-
a2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	12.087.002.480	-	12.587.002.480	-
Ông Phan Trung Nghĩa	2.500.000.000	-	3.000.000.000	-
Ông Chu Thành Nam	4.900.000.000	-	4.900.000.000	-
Ông Nguyễn Hồng Hà	4.687.002.480	-	4.687.002.480	-
Bên khác	244.984.183.992	-	163.636.661.076	-
Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội	49.150.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần Thương mại đầu tư Đông Đô ⁽²⁾	23.850.000.000	-	16.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla ⁽³⁾	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Đạt	10.110.356.848	-	8.085.695.197	-
Các đối tượng khác	146.873.827.144	-	124.550.965.879	-
	257.071.186.472	-	176.223.663.556	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
b1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.455.905.478	-	443.834.245	-
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh An Phú Hưng ⁽⁴⁾	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
	39.055.905.478	-	38.043.834.245	-
b2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội	600.000.000	-	600.000.000	-
Bên khác	38.455.905.478	-	37.443.834.245	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh An Phú Hưng ⁽⁴⁾	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Phải thu khác	2.455.905.478	-	1.443.834.245	-
	39.055.905.478	-	38.043.834.245	-

(1) Khoản tạm ứng chủ yếu cho ban lãnh đạo Công ty phục vụ triển khai các hoạt động kinh doanh và triển khai các dự án đầu tư bất động sản và các dự án xử lý rác thải.

(2) Hợp đồng hợp tác số 2812/2022/HĐHT ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông đô ("Đông Đô") về việc cùng nhau hợp tác để nghiên cứu, triển khai và phát triển các dự án đầu tư (bất động sản, cụm khu công nghiệp, xử lý rác thải...) tại các tỉnh phía Bắc, trong đó tập trung tại các tỉnh Thái Bình, Nam Định. Theo hợp đồng này, Công ty tạm ứng cho Đông Đô để tiến hành triển khai các công việc như đã thống nhất với số tiền 23,85 tỷ VND. Hợp đồng được thực hiện dự kiến trong 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Theo phụ lục hợp đồng số 01/2023/PLHĐHT ký ngày 27/12/2023, các bên đã thống nhất gia hạn thời gian 24 tháng.

(3) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 561/2021/HĐNT ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Licogi 13 (Bên A), Công ty (Bên B) và Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla (Bên C) về việc hợp tác đầu tư dự án khu dân cư sinh thái chất lượng cao Cam Phú - Thành phố Cam Ranh, Khánh Hòa;

Phương thức hợp tác: Các bên thành lập Liên danh để đấu thầu làm Chủ đầu tư Dự án dân cư sinh thái chất lượng cao Cam Phú phù hợp với quy định của pháp luật, theo đó tỷ lệ đóng góp của mỗi bên như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla: 40% Tổng chi phí;
- Công ty Cổ phần Licogi 13: 30% Tổng chi phí;
- Công ty: 30% Tổng chi phí.

Chi phí cho đến khi Liên danh nhận được Quyết định Chủ đầu tư Dự án thực tế sẽ được các bên thống nhất, xác nhận bằng văn bản phân bổ cho các thành viên liên danh theo tỷ lệ quy định.

Số dư tại ngày 30/06/2024 là khoản tạm ứng theo tiến độ hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(4) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 88/2023/HĐHTĐT/APH-PVM ngày 11 tháng 08 năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh An Phú Hưng (Bên A) và Công ty (Bên B) về việc góp vốn, tài sản và các nguồn lực khác để cùng đầu tư, quản lý, vận hành; khai thác các sản phẩm của Dự án Cụm công nghiệp Đình Lập tại xã Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

Tổng nguồn vốn đầu tư: 677,306 tỷ VND.

Phương thức hợp tác: bên A thành lập doanh nghiệp dự án - Công ty TNHH Phát triển công nghiệp Đình Lập, theo đó tỷ lệ đóng góp của mỗi bên như sau:

- Bên A: 55% vốn góp

- Bên B: 45% vốn góp

Số dư tại ngày 30/06/2024 là khoản tạm ứng theo tiến độ hợp đồng. Theo Nghị quyết HĐQT số 72/NQ/MTB-HĐQT ngày 31/07/2024, Công ty dự kiến dừng hợp tác, thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư trước ngày 31/03/2025.

9 . NỢ XẤU

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng ⁽¹⁾	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar ⁽²⁾	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760
- Các khoản khác	49.212.400.491	27.221.652.680	49.362.740.758	27.371.992.947
	187.764.010.907	165.773.263.096	187.914.351.174	165.923.603.363

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng có thể thu hồi được các khoản công nợ này. Tuy nhiên, để đảm bảo thận trọng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ xấu kể trên.

Thông tin về một số khoản nợ xấu có giá trị lớn:

(1): Tại thời điểm 30/06/2024, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền 96.856.865.496 VND. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này tuy nhiên vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp thu hồi khoản công nợ này.

(2): Tại thời điểm 30/06/2024, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 VND. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm, để đảm bảo thận trọng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	183.265.512	-	217.846.734	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.667.507	-	99.329.714.465	-
Thành phẩm	50.685.439	-	18.976.541	-
Hàng hoá	57.143.299.107	(299.752.000)	59.498.243.671	(538.129.000)
	57.404.917.565	(299.752.000)	159.064.781.411	(538.129.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**11 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN****a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án xây dựng Khu dân cư An Phú ⁽¹⁾	7.610.675.762	7.610.675.762	7.644.451.380	7.644.451.380
Dự án phát triển khu nhà ở thương mại phường Tiên Phong và xã Phú Xuân ⁽²⁾	9.580.763.512	9.580.763.512	8.594.072.914	8.594.072.914
Dự án khu nhà ở tại thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ⁽³⁾	697.304.057	697.304.057	483.304.057	483.304.057
	17.888.743.331	17.888.743.331	16.721.828.351	16.721.828.351

Ghi chú:

(1) Dự án phát triển nhà ở thương mại khu dân cư An Phú, thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo hợp đồng thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất số 10/HĐ-DA ĐTCSDĐ ngày 14/08/2023 giữa Sở Xây dựng tỉnh Thái Bình và nhà đầu tư bao gồm liên danh: Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí, Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holding, Công ty Cổ phần Nacico và doanh nghiệp dự án - Công ty Cổ phần Machino An Phú - Công ty con. Trong đó:

- Tổng mức đầu tư của dự án được chấp thuận theo chủ trương đầu tư: 681.251.975.000 VND;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 77 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Quy mô diện tích sử dụng đất của dự án: 118.804,16 m² (bao gồm đất ở, đất cây xanh, hồ điều hòa và đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật)
- Chi phí thực hiện dự án tính đến 30/06/2024 chủ yếu bao gồm Giá trị nộp ngân sách nhà nước M3 (giá trị nộp Ngân sách Nhà nước tối thiểu) đợt 1 và chi phí quản lý dự án.

(2) Dự án phát triển nhà ở thương mại tại phường Tiên Phong và xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo hợp đồng thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất số 10/HĐ-DA ĐTCSDĐ ngày 14/08/2023 giữa Sở Xây dựng tỉnh Thái Bình và nhà đầu tư bao gồm liên danh: Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí, Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội và doanh nghiệp dự án - Công ty TNHH Machino Phú Xuân - Công ty con. Trong đó:

- Tổng mức đầu tư của dự án được chấp thuận theo chủ trương đầu tư: 211.179.197.000 VND;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 65 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Quy mô diện tích sử dụng đất của dự án: 58.313,3 m² (bao gồm đất công trình công cộng, đất thương mại dịch vụ và đất ở đô thị)
- Chi phí thực hiện dự án tính đến 30/06/2024 chủ yếu bao gồm Giá trị nộp ngân sách nhà nước M3 (giá trị nộp Ngân sách Nhà nước tối thiểu) đợt 1 và chi phí quản lý dự án.

(3) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh khu nhà ở tại thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội trên toàn bộ khu đất theo quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 27/07/2015 về việc "phê duyệt quy hoạch chi tiết khu nhà ở tại thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/500". Số dư tại ngày 30/06/2024 là chi phí cho ban quản lý dự án.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự án thi công hệ thống PCCC tự động tại kho Thọ Quang	1.569.457.925	-
	1.569.457.925	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư đầu kỳ	67.821.630.699	5.762.601.298	9.404.528.105	1.426.575.110	161.200.000	84.576.535.212					
- Mua trong kỳ	-	2.882.154.883	-	-	-	2.882.154.883					
Số dư cuối kỳ	67.821.630.699	8.644.756.181	9.404.528.105	1.426.575.110	161.200.000	87.458.690.095					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu kỳ	23.133.990.139	1.803.600.902	6.626.964.634	1.006.004.755	86.233.337	32.656.793.767					
- Khấu hao trong kỳ	1.657.448.472	359.231.108	215.462.190	62.313.336	26.866.668	2.321.321.774					
Số dư cuối kỳ	24.791.438.611	2.162.832.010	6.842.426.824	1.068.318.091	113.100.005	34.978.115.541					
Giá trị còn lại											
Tại ngày đầu kỳ	44.687.640.560	3.959.000.396	2.777.563.471	420.570.355	74.966.663	51.919.741.445					
Tại ngày cuối kỳ	43.030.192.088	6.481.924.171	2.562.101.281	358.257.019	48.099.995	52.480.574.554					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.922.264.301 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.835.454.162 VND.

31
HÀM
DANH
SÁCH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	14.188.420.814	611.245.000	14.799.665.814
- Mua trong kỳ	-	151.200.000	151.200.000
Số dư cuối kỳ	14.188.420.814	762.445.000	14.950.865.814
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.758.349.525	611.236.995	2.369.586.520
- Khấu hao trong kỳ	178.347.295	15.445.161	193.792.456
Số dư cuối kỳ	1.936.696.820	626.682.156	2.563.378.976
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	12.430.071.289	8.005	12.430.079.294
Tại ngày cuối kỳ	12.251.723.994	135.762.844	12.387.486.838

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.299.131.549 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 611.245.000 VND.

(*) Quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm:

- Khu đất tại địa chỉ 51 Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, diện tích 1.806,8 m², sử dụng làm mặt bằng kinh doanh, thời hạn là 50 năm kể từ ngày 13/01/2009.
- Khu đất tại địa chỉ 53 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, diện tích 281,8 m², sử dụng làm văn phòng Công ty, thời hạn 50 năm kể từ ngày 12/01/2009.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	7.779.542.940	7.513.200.000	15.292.742.940
Số dư cuối kỳ	7.779.542.940	7.513.200.000	15.292.742.940
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	7.779.542.940	7.513.200.000	15.292.742.940
Số dư cuối kỳ	7.779.542.940	7.513.200.000	15.292.742.940
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-

Bất động sản đầu tư của Công ty là 23.600 m² đất tại thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng lại của đối tác từ năm 2012 có thời hạn 20 năm từ ngày 07/12/1996. Từ năm 2017, Công ty tiếp tục sử dụng diện tích đất này theo hình thức đất thuê trả tiền hàng năm.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	242.136.773	223.361.457
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	289.254.858	222.444.078
	531.391.631	445.805.535
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	169.660.495	546.902.148
Tiền thuê đất	-	1.170.000.000
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	6.134.418.851	7.577.675.459
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.915.526.682	2.798.842.462
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.324.598.313	543.731.803
	10.544.204.341	12.637.151.872

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ và TM Quốc tế Hoàng Gia	5.197.557.812	5.197.557.812	5.197.557.812	5.197.557.812
Công ty Cổ phần Thương mại IMP Việt Nam	-	-	21.601.254.882	21.601.254.882
Công ty Cổ phần Công nghệ Phát triển Linh Nam Việt	9.663.678.869	9.663.678.869	17.588.265.055	17.588.265.055
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	-	-	40.442.181.677	40.442.181.677
Công ty TNHH McKinsey & Company Việt Nam	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	22.933.543.641	22.933.543.641	23.265.932.120	23.265.932.120
	45.794.780.322	45.794.780.322	108.095.191.546	108.095.191.546

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Lắp máy Dầu Khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	2.677.576.000	2.677.576.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hoà Bình	-	719.507.625
Người mua trả tiền trước khác	2.434.524.669	2.119.463.097
	6.121.900.669	6.526.346.722

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	440.943.022	184.745.560	1.326.891.505	958.944.265	440.943.022	552.692.800
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.415.164.128	1.147.395.614	3.987.677.460	123.847.491	698.729.773
Thuế Thu nhập cá nhân	33.761.665	271.333.570	1.886.025.731	1.928.710.964	53.316.211	248.202.883
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	135.000.000	-	4.363.898.214	741.994.566	299.759.928	3.786.663.576
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	38.312.584	106.135.309	106.135.309	-	38.312.584
	609.704.687	3.909.555.842	8.839.346.373	7.732.462.564	917.866.652	5.324.601.616

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	248.688.680	613.317.314
- Chi phí lãi chậm trả	736.422.415	-
- Chi phí tiền thuê nhà	3.687.571.200	-
- Chi phí phải trả khác	548.687.744	1.192.130.838
	5.221.370.039	1.805.448.152

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	211.408.288	384.835.231
- Bảo hiểm xã hội	618.297.807	-
- Bảo hiểm y tế	94.282.978	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	41.477.386	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.996.162.000	71.011.551.099
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.969.446.390	4.031.109.705
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	14.000.000.000	5.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	292.497.768	211.746.934
	41.223.572.617	80.639.242.969
a2) Chi tiết theo đối tượng		
Bên khác	41.223.572.617	80.639.242.969
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	14.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Hưng Việt TP Inmex	-	17.600.000.000
- Các cá nhân đặt cọc căn hộ hình thành trong tương lai	-	52.751.889.099
- Công ty TNHH Nông sản Hồng Nguyên	21.500.000.000	-
- Đối tượng khác	5.723.572.617	5.287.353.870
	41.223.572.617	80.639.242.969
b) Dài hạn		
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	37.261.547.264	47.261.547.264
	37.261.547.264	47.261.547.264

(*) Khoản nợ phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) theo quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên xét xử phúc thẩm ngày 19/10/2023. Theo đó, Công ty đồng ý trả số tiền 52.261.547.264 VND và tiền lãi cho Agribank theo lộ trình 05 năm kể từ năm 2023 đến năm 2027. Trong 06 tháng đầu năm 2024, Công ty đã thanh toán cho Agribank 1 tỷ VND và khoản nợ phải trả này đã quá hạn thanh toán căn cứ theo thời hạn thanh toán là 4.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**21 . VAY**

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	163.955.961.836	163.955.961.836	700.743.123.272	565.379.439.661	299.319.645.447	299.319.645.447
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm ⁽¹⁾	-	-	187.308.900.000	87.362.500.000	99.946.400.000	99.946.400.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hai Bà Trưng ⁽²⁾	55.092.311.501	55.092.311.501	175.082.120.272	149.572.440.701	80.601.991.072	80.601.991.072
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm ⁽³⁾	63.792.638.919	63.792.638.919	80.727.450.000	79.936.638.919	64.583.450.000	64.583.450.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	12.518.791.416	12.518.791.416	-	12.518.791.416	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng ⁽⁴⁾	29.546.432.500	29.546.432.500	254.957.365.000	232.383.957.500	52.119.840.000	52.119.840.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng ⁽⁵⁾	2.410.000.000	2.410.000.000	1.394.000.000	2.882.000.000	922.000.000	922.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng ⁽⁶⁾	595.787.500	595.787.500	1.273.288.000	723.111.125	1.145.964.375	1.145.964.375
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.103.920.000	4.103.920.000	5.000.000.000	2.051.960.000	7.051.960.000	7.051.960.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên ⁽⁷⁾	-	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng ⁽⁸⁾	4.103.920.000	4.103.920.000	-	2.051.960.000	2.051.960.000	2.051.960.000
Tổng cộng	168.059.881.836	168.059.881.836	705.743.123.272	567.431.399.661	306.371.605.447	306.371.605.447

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên ⁽⁷⁾	-	15.000.000.000	1.250.000.000	13.750.000.000	13.750.000.000	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng ⁽⁸⁾	11.883.035.144	-	2.051.960.000	9.831.075.144	9.831.075.144	
	11.883.035.144	15.000.000.000	3.301.960.000	23.581.075.144	23.581.075.144	
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(4.103.920.000)	(5.000.000.000)	(2.051.960.000)	(7.051.960.000)	(7.051.960.000)	
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	7.779.115.144	7.779.115.144		16.529.115.144	16.529.115.144	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHI

Số 08 Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn

STT	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2024 (VND)
1	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm Hợp đồng cấp tín dụng số 191067.24.065.597402.TD ngày 04/03/2024 và Văn bản sửa đổi, bổ sung văn kiện số 191067.24.065.597402.TD.PL1 806 ngày 18/06/2024	130.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ	Kết từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 25/01/2025	Cấp tín dụng phục vụ hoạt động kinh doanh cung cấp vật tư, máy móc, phụ tùng thay thế ngành điện; thương mại kim loại, quặng sắt, ...; thương mại nông sản, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi của Công ty giai đoạn 2023-2024 (Không bao gồm hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất/chuyển khẩu)	Các hợp đồng cầm cố/thế chấp/ bảo lãnh/ký quỹ hoặc các hợp đồng thỏa thuận khác được giao kết giữa Ngân hàng và khách hàng. Khoản vay đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.	99.946.400.000
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/339/HBTĐHM ngày 29/09/2023	120.000.000.000	Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ	Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng hạn mức này nhưng không vượt quá 15/9/2024	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Các hợp đồng cầm cố/thế chấp/ bảo lãnh/ký quỹ hoặc các hợp đồng thỏa thuận khác được giao kết giữa Ngân hàng và khách hàng. Khoản vay đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.	80.601.991.072
3	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm Các hợp đồng cho vay từng lần	65.000.000.000	Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ	Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ được xác định theo từng HĐTD cụ thể, không quá 6 tháng;	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	Các hợp đồng cam kết bảo lãnh/Hợp đồng đảm bảo mà Bên Vay và/hoặc Tô chức/Cá nhân khác ký kết với Bên Cho Vay và/hoặc các biện pháp đảm bảo khác. Khoản vay đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.	64.583.450.000
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 60 12023 1 CV NCB-KHDN ngày 26/05/2023	90.000.000.000	Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ	Thời hạn của hợp đồng: Tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.	Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn, phục vụ hoạt động kinh doanh và hoạt động sửa chữa bảo dưỡng ô tô Mitsubishi của khách hàng tại hợp đồng cấp tín dụng. Khoản vay đã nhưng không bao gồm các nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định;	Nghĩa vụ của khách hàng theo hợp đồng này được đảm bảo theo (các) biện pháp bảo lãnh và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng. Khoản vay đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.	52.119.840.000



CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHI

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

STT	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2024 (VND)
5	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng Hợp đồng cho vay hạn mức số: REF2408000228/HDCVHM/DN ngày 21/03/2024	30.000.000.000	Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ	Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi	Các xe ô tô du lịch (9 chỗ ngồi trở xuống) nhãn hiệu Mitsubishi mới 100%, hình thành từ vốn vay/tồn kho hiện hữu, thuộc sở hữu của Công ty. Khoản vay đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.	922.000.000 922.000.000
6	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng Hợp đồng tín dụng số 9643869.24 ngày 12/07/2024	7.000.000.000	Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân / đồng. thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của VTB theo từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.	12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày ký Hợp đồng.	Bù đắp đối với các xe chạy thử đã mua, thời hạn đăng ký xe lần đầu hiệu Mitsubishi với thời hạn từ lúc đăng ký đến lúc giải ngân không quá 3 tháng. Khoản vay đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.	Xe ô tô hiệu hữu (9 chỗ trở xuống), nhãn hiệu Mitsubishi với thời hạn từ lúc đăng ký đến lúc giải ngân dưới 3 tháng. Khoản vay đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.	1.145.964.375 1.145.964.375

Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn

STT	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2024 (VND)
7	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuận Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0022/2024/HDTDTDH-PN/SHB.111500 ngày 06/02/2024	15.000.000.000	Lãi suất được quy định cụ thể tại từng đợt giải ngân nợ Khế ước nhận nợ	36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng tư giải ngân vốn vay lần đầu tiên cho Công ty	Cho vay bồi hoàn các chi phí đầu tư để Thực hiện dự án "Cải tạo, sửa chữa nhà B tại số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội"	Các hợp đồng cầm cố/thẻ chấp/ bảo lãnh/ký quỹ hoặc các hợp đồng thỏa thuận khác được giao kết giữa Ngân hàng và khách hàng. Khoản vay đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.	13.750.000.000 13.750.000.000
8	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng Các hợp đồng tín dụng	27.696.000.000	Lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu	Thanh toán các chi phí hợp lý; Thẻ chấp bằng tài sản theo các hợp đồng hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án	Thẻ chấp bằng tài sản theo các hợp đồng thẻ chấp cụ thể và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.	9.831.075.144 9.831.075.144



CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu kỳ trước	386.386.000.000	18.920.978.074	18.920.978.074	19.364.172.424	26.991.473.551	451.662.624.049			
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	162.049.037.035	2.042.570.306	164.091.607.341			
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	-	-	(4.500.000.000)	-	(4.500.000.000)			
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	-	(219.040.381)	(220.959.619)	(440.000.000)			
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	5.950.000.000	5.950.000.000			
Số dư cuối kỳ trước	386.386.000.000	18.920.978.074	18.920.978.074	176.694.169.078	34.763.084.238	616.764.231.390			
Số dư đầu kỳ này	386.386.000.000	18.920.978.074	18.920.978.074	128.760.261.573	134.922.373.465	668.989.613.112			
Lãi trong kỳ này	-	-	-	36.031.971.257	1.834.443.561	37.866.414.818			
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	-	-	(4.500.000.000)	-	(4.500.000.000)			
Phân phối lợi nhuận tại Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng (Công ty con)	-	-	-	(273.800.476)	(276.199.524)	(550.000.000)			
Số dư cuối kỳ này	386.386.000.000	18.920.978.074	18.920.978.074	160.018.432.354	136.480.617.502	701.806.027.930			

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 0054/NQ/MTB-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại Công ty mẹ		Các công ty con phân phối cho	
	VND	VND	Công ty mẹ	Cổ đông không kiểm soát
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.500.000.000	273.800.476	276.199.524	

40
TÂN K
A
NG K
CH H
CÓN
0111

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Bà Nguyễn Anh Thu	17	65.351.000.000	17	65.351.000.000
Bà Lê Thị Kiều Vân	18	70.000.000.000	18	70.000.000.000
Các cổ đông khác	65	251.035.000.000	65	251.035.000.000
	100	386.386.000.000	100	386.386.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	386.386.000.000	386.386.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	386.386.000.000	386.386.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	4.031.109.705	3.449.589.571
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(61.663.315)	(103.415.481)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(61.663.315)	(103.415.481)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	3.969.446.390	3.346.174.090

d) Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.920.978.074	18.920.978.074
	18.920.978.074	18.920.978.074

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo các hợp đồng cho thuê tại vị trí số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội với đơn giá và thời hạn cho thuê được quy định theo từng hợp đồng ký kết với đối tác.

Ngoài ra, Công ty có các hợp đồng cho thuê hoạt động hàng năm với các đối tác tại thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích cho thuê kho. Trong đó, đơn giá và thời hạn cho thuê được quy định theo từng hợp đồng ký kết với đối tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**b) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty đang sử dụng diện tích đất 1.202,5 m² tại số 08 Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và 23.600 m² đất tại thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm được sử dụng với mục đích kinh doanh và làm trụ sở văn phòng. Công ty đang làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất với các bên có liên quan và tiếp tục nộp tiền thuê đất hàng năm cho các lô đất này theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

Công ty con - Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng ký hợp đồng thuê đất số 36/HĐTĐ ngày 13/06/2017 tại Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế với diện tích 5.372 m² để đầu tư xây dựng Trung tâm ô tô Daesco tại Huế có thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 29/12/2016. Công ty đã trả trước tiền thuê đất cho thời hạn 10 năm với số tiền 3 tỷ VND.

Công ty con - Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ số 10 Nguyễn Phục, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với diện tích 15.366 m² để làm showroom trưng bày có thời hạn đến ngày 30/01/2052 với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm.

Công ty con - Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng đang sử dụng diện tích đất 3.241,6 m² tại địa chỉ phường Hiệp Hòa, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm được sử dụng với mục đích kinh doanh. Công ty đang làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất với các bên có liên quan và tiếp tục nộp tiền thuê đất hàng năm cho các lô đất này theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

c) Ngoại tệ các loại

	30/06/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.512,53	40.676,55

d) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
	65.193.021.617	65.193.021.617

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	720.168.144.670	669.881.980.368
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.769.760.456	28.304.399.832
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	104.088.945.187	-
Doanh thu xây lắp	543.780.000	-
	860.570.630.313	698.186.380.200

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	691.773.633.328	660.405.043.396
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.301.244.973	14.635.384.127
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	98.764.372.916	-
Giá vốn xây lắp	570.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(238.377.000)	(566.550.679)
	824.170.874.217	674.473.876.844

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.698.043.428	3.493.528.197
Lãi bán các khoản đầu tư	-	295.457.634.985
Cổ tức, lợi nhuận được chia	49.150.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	474.708.818	1.449.755
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	934.528.472	-
	54.257.280.718	298.952.612.937
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	1.296.290.411	430.356.342

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.782.197.518	6.195.463.222
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	18.487.031.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	33.918.782	10.575.697
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	9.771.489
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(2.019.847.330)
Chi phí tài chính khác	8.800	761.670
	7.816.125.100	22.683.755.748
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	315.065.947	220.761.670

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	424.311.610	339.555.679
Chi phí nhân công	8.381.482.844	8.845.550.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	836.341.962	1.030.797.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.292.715.695	5.623.624.105
Chi phí khác bằng tiền	8.555.689.781	8.173.751.830
	29.490.541.892	24.013.279.706

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	687.616.691	681.229.843
Chi phí nhân công	18.734.623.593	16.353.743.094
Chi phí khấu hao tài sản cố định	535.965.216	398.598.578
Thuế, phí, lệ phí	843.743.484	847.890.480
Chi phí dự phòng	949.806.973	19.511.671.442
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.917.455.957	2.258.938.424
Chi phí khác bằng tiền	3.817.941.509	32.759.354.307
	28.487.153.423	72.811.426.168

30 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tiền phạt thu được	17.600.061.000	1.279.500.210
Thu nhập từ tiền hỗ trợ bán ô tô	5.678.046.587	9.991.548.146
Thu nhập từ nợ khó đòi	-	366.358.186
Thu nhập khác	9.183.817	1.561
	23.287.291.404	11.637.408.103

31 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	39.428.951	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	338.543.768	1.313.324.333
Chi phí tài trợ Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lạng Sơn	8.000.000.000	25.000.000.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chậm quyết toán	-	16.184.805.227
Chi phí lãi chậm trả	736.422.415	-
Chi phí khác	22.302.237	24.716.574
	9.136.697.371	42.522.846.134

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	413.514.793	7.390.857.312
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con - Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	586.557.572	597.942.861
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con - Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt	147.323.249	190.809.126
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.147.395.614	8.179.609.299

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	36.031.971.257	162.049.037.035
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	36.031.971.257	162.049.037.035
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	38.638.600	38.638.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	933	4.194

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Hoạt động của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động thương mại, chiếm hơn 90% doanh thu hoạt động của Công ty. Vì vậy, Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 28 và Thuyết minh số 29.

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2024				
Tiền	15.197.483.087	-	-	15.197.483.087
Phải thu khách hàng, phải thu khác	482.431.453.537	39.055.905.478	-	521.487.359.015
Các khoản cho vay	205.980.403.381	20.040.000.000	-	226.020.403.381
	703.609.340.005	59.095.905.478	-	762.705.245.483
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	22.977.489.834	-	-	22.977.489.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	367.146.293.969	38.043.834.245	-	405.190.128.214
Các khoản cho vay	164.341.145.979	19.640.000.000	-	183.981.145.979
	554.464.929.782	57.683.834.245	-	612.148.764.027

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2024				
Vay và nợ	306.371.605.447	16.529.115.144	-	322.900.720.591
Phải trả người bán, phải trả khác	87.018.352.939	37.261.547.264	-	124.279.900.203
Chi phí phải trả	5.221.370.039	-	-	5.221.370.039
	398.611.328.425	53.790.662.408	-	452.401.990.833
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	168.059.881.836	7.779.115.144	-	175.838.996.980
Phải trả người bán, phải trả khác	126.434.023.291	47.261.547.264	-	173.695.570.555
Chi phí phải trả	1.805.448.152	-	-	1.805.448.152
	296.299.353.279	55.040.662.408	-	351.340.015.687

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Hasky Hưng Yên	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nhà ở Nguyễn Xá	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT - Ông Vũ Đức Tiến đến ngày 23/04/2024
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công nghệ Hà Nội	Ông Uông Huy Đông - Tổng giám đốc CTCP Đầu tư Tài chính Công nghệ Hà Nội là em vợ của Ông Vũ Đức Tiến - Chủ tịch HĐQT của Công ty đến ngày 23/04/2024
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội	Ông Uông Huy Đông là chủ tịch HĐQT Công ty
Các thành viên HĐQT	Điều hành Công ty
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát	Điều hành Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí tài chính	315.065.947	220.761.670
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	315.065.947	220.761.670
Lãi cho vay	1.296.290.411	430.356.342
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công nghệ Hà Nội	-	430.356.342
Công ty Cổ phần Đầu tư Hasky Hưng Yên	1.292.301.369	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển nhà ở Nguyễn Xá	3.989.042	-
Mua cổ phần	15.015.124.800	-
Ông Uông Huy Đông	15.015.124.800	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	3.773.335	3.780.296

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Thu nhập của người quản lý chủ chốt như sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	1.096.526.316	666.731.818
Đặng Văn Thân - Chủ tịch HĐQT ⁽¹⁾	31.473.684	
Vũ Đức Tiến - Chủ tịch HĐQT ⁽²⁾	330.526.316	176.000.000
Trần Văn Long - Ủy viên HĐQT ⁽³⁾	-	46.000.000
Nguyễn Minh Tuấn- Ủy viên HĐQT	434.000.000	335.000.000
Vương Hoàng Thăng	181.000.000	80.681.818
Tổng Thị Diệp - Ủy viên HĐQT ⁽⁴⁾	151.000.000	29.050.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý khác	2.929.000.000	2.025.000.000
Phạm Văn Hiệp - Tổng Giám đốc	926.000.000	749.000.000
Phan Trung Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc	422.000.000	323.000.000
Nguyễn Hồng Hà - Phó Tổng Giám đốc	422.000.000	323.000.000
Chu Thành Nam - Phó Tổng Giám đốc	419.000.000	323.000.000
Phạm Thị Mỹ Hương - Phó Tổng Giám đốc ⁽⁴⁾	352.000.000	-
Hoàng Minh Đức - Kế toán trưởng	388.000.000	307.000.000
Thu nhập của Ban kiểm soát	351.000.000	222.000.000
Lê Thị Kiều Vân- Trưởng ban kiểm soát	161.000.000	88.000.000
Phạm Thị Hải An - Thành viên Ban kiểm soát	95.000.000	67.000.000
Hà Thị Thanh Hậu - Thành viên Ban kiểm soát	95.000.000	67.000.000

Chú thích:

- (1) Miễn nhiệm trong năm nay
- (2) Bỏ nhiệm trong năm nay
- (3) Miễn nhiệm trong năm trước
- (4) Bỏ nhiệm trong năm trước

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

(Signature)

(Signature)



Lê Thị Thu Hiền
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024